

**Phụ lục**

**GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ GIAI ĐOẠN  
2026-2030**

(Kèm theo Quyết định số 1465/QĐ-SYT ngày 07/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính	Phân loại mức tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định	Kinh phí Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên
	<b>Tổng số</b>	<b>40</b>			<b>337.679</b>	<b>48.827</b>	<b>100</b>
1	Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế	1	Nhóm 2	125			
2	Bệnh viện Sản Nhi	1	Nhóm 2	107			
3	Bệnh viện Nội Tiết	1	Nhóm 2	114			
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	Nhóm 2	129			
5	Bệnh viện đa khoa số 2	1	Nhóm 2	101			
6	Bệnh viện Y học cổ truyền	1	Nhóm 2	111			
7	Bệnh viện đa khoa số 1	1	Nhóm 2	101			
8	Bệnh viện đa khoa số 3	1	Nhóm 2	109			
9	Trung tâm Kiểm nghiệm	1	Nhóm 2	100		14.928	
10	Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội số 1	1	Nhóm 2	100		16.136	
11	Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội số 2	1	Nhóm 2	100		13.445	
12	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	1	Nhóm 2 (Khỏi điều trị)	100			

STT	Đơn vị	Số đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính	Phân loại mức tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định	Kinh phí Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên
13	Trung tâm y tế khu vực Lục Yên	1	Nhóm 2 (Khỏi điều trị)	100			
14	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	1	Nhóm 2 (Khỏi điều trị)	100			
15	Trung tâm y tế khu vực Trấn Yên	1	Nhóm 2 (Khỏi điều trị)	100			
16	Trung tâm y tế khu vực Yên Bình	1	Nhóm 2 (Khỏi điều trị)	101			
17	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	Nhóm 3	14	62.801	4.318	
18	Trung tâm Pháp y	1	Nhóm 3	10	6.474		
19	Trung tâm Giám định y khoa	1	Nhóm 3	26	4.233		100
20	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Thắng	1	Nhóm 3	84	25.338		
21	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Yên	1	Nhóm 3	86	7.974		
22	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Hà	1	Nhóm 3	76	16.463		
23	Bệnh viện đa khoa khu vực Bát Xát	1	Nhóm 3	84	12.496		
24	Bệnh viện đa khoa khu vực Mường Khương	1	Nhóm 3	80	11.413		
25	Bệnh viện đa khoa khu vực Lào Cai - Cam đường	1	Nhóm 3	72	16.389		
26	Bệnh viện đa khoa số 4	1	Nhóm 3	72	23.501		
27	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	1	Nhóm 3	84	11.011		
28	Bệnh viện đa khoa khu vực Si Ma Cai	1	Nhóm 3	72	12.549		

STT	Đơn vị	Số đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính	Phân loại mức tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định	Kinh phí Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên
29	Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn	1	Nhóm 3 (Khối điều trị)	77	13.375		
30	Trung tâm y tế khu vực Mù Cang Chải	1	Nhóm 3 (Khối điều trị)	73	7.119		
31	Trung tâm y tế khu vực Trạm Tấu	1	Nhóm 3 (Khối điều trị)	52	7.118		
32	Trung tâm y tế khu vực Bảo Thắng	1	Nhóm 4	-	9.017		
33	Trung tâm y tế khu vực Bảo Yên	1	Nhóm 4	-	10.030		
34	Trung tâm y tế khu vực Bắc Hà	1	Nhóm 4	-	10.655		
35	Trung tâm y tế khu vực Bát Xát	1	Nhóm 4	-	9.138		
36	Trung tâm y tế khu vực Mường Khương	1	Nhóm 4	-	14.268		
37	Trung tâm y tế khu vực Lào Cai - Cam Đường	1	Nhóm 4	-	9.951		
38	Trung tâm y tế khu vực Sa Pa	1	Nhóm 4	-	13.753		
39	Trung tâm y tế khu vực Văn Bàn	1	Nhóm 4	-	12.588		
40	Trung tâm y tế khu vực Si Ma Cai	1	Nhóm 4	-	10.025		

**\* Ghi chú:**

- + Nhóm 2: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.
- + Nhóm 3: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- + Nhóm 4: Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.